

Kính gửi: Trưởng phòng GD&ĐT huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (gọi tắt là Nghị định số 20); Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (gọi tắt là Thông tư số 07); để thống nhất các loại hồ sơ chuẩn bị cho công tác kiểm tra công nhận kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD, XMC) năm 2019, Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) hướng dẫn thực hiện như sau:

1. CÁC LOẠI HỒ SƠ CẤP XÃ

1.1. Hồ sơ PCGD MN cho trẻ 5 tuổi

- Quyết định thành lập Ban chỉ đạo PCGD, XMC của xã, phường, thị trấn.
- Phiếu điều tra PCGD MN cho trẻ 5 tuổi
- Sổ theo dõi PCGD MN cho trẻ 5 tuổi
- Danh sách trẻ hoàn thành chương trình GDMN, danh sách trẻ nơi khác đến học tại địa bàn, danh sách trẻ trên địa bàn đến học nơi khác, danh sách trẻ chuyển đi, danh sách trẻ chuyển đến, danh sách trẻ khuyết tật (nếu có).
- Các văn bản chỉ đạo công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi của trung ương, tỉnh, huyện, xã được lưu trữ riêng thành tập có mục lục, bìa, sắp xếp theo trình tự thời gian.
- Báo cáo công tác thực hiện PCGD MN cho trẻ 5 tuổi (Kèm các mẫu thống kê).
- Quyết định tự kiểm tra của xã, phường, thị trấn.
- Biên bản tự kiểm tra của xã, phường, thị trấn.
- Tờ trình của các xã, phường, thị trấn đề nghị UBND huyện kiểm tra.
- Biên bản của đoàn kiểm tra huyện đối với các xã, phường, thị trấn.
- Quyết định công nhận của huyện đối với các xã, phường, thị trấn.
- Hồ sơ minh chứng về chế độ chính sách của trẻ, của giáo viên.
- Các biểu mẫu thống kê theo qui định (theo phần mềm PCGD, XMC của Bộ GD&ĐT).

1.2. Hồ sơ PCGD Tiểu học

- Phiếu điều tra PCGD tiểu học.
- Sổ theo dõi PCGD Tiểu học.
- Danh sách hoàn thành chương trình Tiểu học các năm.
- Biểu thống kê tổng hợp trẻ trong độ tuổi đi học và kết quả PCGD Tiểu học.
- Báo cáo về quá trình chỉ đạo thực hiện và kết quả PCGD Tiểu học.
- Các biểu mẫu thống kê theo qui định (theo phần mềm PCGD, XMC của Bộ GD&ĐT).
- Quyết định của cấp trên công nhận đơn vị đạt chuẩn.
- Hồ sơ hợp đồng dạy (nếu có).

1.3. Hồ sơ PCGD THCS

- Sổ theo dõi PCGD THCS.
- Phiếu điều tra đến hộ gia đình.
- Sổ đăng bộ.
- Danh sách học sinh tại xã và xã khác năm học 2019-2020.
- Sổ theo dõi chuyển đi, chuyển đến.
- Sổ theo dõi tổng hợp của đơn vị.
- Danh sách học sinh đang học năm học 2019-2020.
- Bảng ghi tên, ghi điểm học sinh tốt nghiệp TH, THCS của 04 năm học (2015-2016, 2016-2017, 2017-2018, 2018-2019 tương ứng với 04 độ tuổi 11, 12, 13, 14).
- Biểu mẫu thống kê tình hình học sinh trong độ tuổi PCGD trung học cơ sở và kết quả.
- Biểu tổng hợp kết quả huy động PCGD THCS.
- Thống kê đội ngũ giáo viên PCGD THCS.
- Thống kê cơ sở vật chất PCGD THCS.
- 03 bộ hồ sơ kiểm tra của 3 năm (2017, 2018, 2019). Mỗi bộ gồm: Quyết định lập Đoàn kiểm tra địa phương; Biên bản tự kiểm tra; Tờ trình cấp trên về kiểm tra; Quyết định thành lập đoàn kiểm tra của huyện; Biên bản kiểm tra của cấp huyện; Quyết định công nhận của cấp huyện.
- Hồ sơ hợp đồng dạy phổ cập trung học cơ sở (nếu có).
- Sổ biên bản họp Ban chỉ đạo địa phương.
- Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả Phổ cập giáo dục năm 2019 kèm theo các biểu mẫu thống kê của xã, phường, thị trấn.

- Các biểu mẫu thống kê theo qui định (theo phần mềm PCGD, XMC của Bộ GD&ĐT).

1.4. Hồ sơ thanh niên trong độ tuổi 18-21 có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương

- Sổ theo dõi PCGD trung học và thanh niên trong độ tuổi 18-21 có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương (Sổ theo dõi PCGDTrH).

- Phiếu điều tra đến hộ gia đình.

- Danh sách học sinh đang học THPT và tương đương năm học 2019-2020.

- Bảng ghi tên, ghi điểm học sinh tốt nghiệp THCS (BT THCS) của 04 năm học (2015-2016, 2016-2017, 2017-2018, 2018-2019 tương ứng 04 độ tuổi 15, 16, 17, 18).

- Danh sách học sinh tốt nghiệp THPT, tốt nghiệp trường trung cấp, trường dạy nghề của 04 năm (2015-2016, 2016-2017, 2017-2018, 2018-2019 tương ứng với 04 độ tuổi 18, 19, 20, 21,...).

- Biểu thống kê tổng hợp kết quả điều tra đối tượng trong độ tuổi 15-18 đang học tại các cơ sở giáo dục (phổ thông, giáo dục thường xuyên, chuyên nghiệp, dạy nghề).

- Bản sao Bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (đối với học sinh tốt nghiệp ngoài tỉnh).

- Các biểu mẫu thống kê theo qui định (theo phần mềm PCGD, XMC của Bộ GD&ĐT).

1.5. Hồ sơ XMC

- Phiếu điều tra xóa mù chữ.

- Sổ theo dõi xóa mù chữ.

- Sổ xóa mù chữ.

- Danh sách học viên được công nhận biết chữ.

- Báo cáo về quá trình chỉ đạo thực hiện và kết quả XMC.

- Các biểu mẫu thống kê theo qui định (theo phần mềm PCGD, XMC của Bộ GD&ĐT).

- Quyết định của cấp trên công nhận đơn vị đạt chuẩn.

- Hồ sơ hợp đồng dạy (nếu có).

1.6. Hồ sơ người khuyết tật

- Phiếu điều tra người khuyết tật.

- Danh sách người khuyết tật trong địa phương.

- Danh sách học viên người khuyết tật đang học.

- Các biểu mẫu thống kê theo qui định (theo phần mềm PCGD, XMC của Bộ GD&ĐT).

2. CÁC LOẠI HỒ SƠ CẤP HUYỆN

2.1. Hồ sơ PCGDMN cho trẻ 5 tuổi

- Quyết định thành lập Ban chỉ đạo PCGD,XMC của huyện, thị xã, thành phố.
- Các văn bản chỉ đạo công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi của trung ương, tỉnh, huyện được lưu trữ riêng thành tập có mục lục, bìa, sắp xếp theo trình tự thời gian.
- Báo cáo công tác thực hiện PCGDMN cho trẻ 5 tuổi (Kèm các mẫu thống kê).
- Các biểu mẫu thống kê theo qui định (theo phần mềm PCGD, XMC của Bộ GD&ĐT).
- Biên bản của đoàn kiểm tra huyện đối với các xã, phường, thị trấn.
- Quyết định công nhận của huyện đối với các xã, phường, thị trấn.

2.2. Hồ sơ PCGD tiểu học

- Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả năm 2019 và kèm theo các biểu thống kê.
- Các biểu mẫu thống kê theo qui định (theo phần mềm PCGD, XMC của Bộ GD&ĐT).
- Biên bản kiểm tra cấp xã.
- Quyết định công nhận UBND huyện đối với xã.
- Quyết định thành lập BCD huyện, biên bản các cuộc họp BCD.

2.3. Hồ sơ PCGD THCS

- Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả PCGD, XMC năm 2019.
- Các biểu mẫu thống kê theo qui định (theo phần mềm PCGD, XMC của Bộ GD&ĐT).
- Sổ theo dõi tổng hợp của đơn vị (như ở cấp xã).
- Biểu thống kê tổng hợp tình hình học sinh trong độ tuổi phổ cập trung học cơ sở và kết quả.
- Biểu tổng hợp kết quả huy động PCGD THCS.
- Thống kê đội ngũ giáo viên PCGD THCS.
- Thống kê cơ sở vật chất PCGD THCS.
- Biểu thống kê mẫu (3 năm). Biểu này được đóng thành tập theo từng mẫu, trong đó trang đầu là biểu tổng hợp của huyện, các trang sau là biểu tổng hợp của từng đơn vị xã, phường, thị trấn.

- Hồ sơ kiểm tra của 3 năm. Mỗi năm, hồ sơ gồm: Tờ trình của cấp xã, phường, thị trấn; Quyết định lập đoàn kiểm tra; Biên bản kiểm tra của huyện đối với xã; Quyết định của huyện công nhận xã, phường, thị trấn.

- Sổ biên bản họp Ban chỉ đạo của huyện, thị xã, thành phố.

2.4. Hồ sơ thanh niên trong độ tuổi 18-21 có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương

- Biểu thống kê tổng hợp kết quả điều tra đối tượng trong độ tuổi 18-21 đang học tại các cơ sở giáo dục (phổ thông, giáo dục thường xuyên, chuyên nghiệp, dạy nghề).

- Biểu thống kê tổng hợp kết quả điều tra PCGD trung học.

- Biên bản kiểm tra tỷ lệ có bằng TNTHTP và tương đương trong độ tuổi 18-21 của đơn vị.

- Báo cáo quá trình tổ chức thực hiện và kết quả thanh niên trong độ tuổi 18-21 có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương.

- Các biểu mẫu thống kê theo qui định (theo phần mềm PCGD, XMC của Bộ GD&ĐT).

2.5. Hồ sơ Xóa mù chữ

- Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả năm 2019.

- Các biểu mẫu thống kê theo qui định (theo phần mềm PCGD, XMC của Bộ GD&ĐT).

- Biên bản kiểm tra cấp xã.

- Quyết định công nhận UBND huyện đối với xã.

- Quyết định thành lập BCĐ huyện, biên bản các cuộc họp BCĐ.

2.6. Hồ sơ người khuyết tật: Các biểu mẫu thống kê theo qui định (theo phần mềm PCGD, XMC của Bộ GD&ĐT).

Trên đây là hướng dẫn của Sở GD&ĐT về việc thực hiện hồ sơ PCGD, XMC năm 2019. Sở GD&ĐT yêu cầu Trưởng phòng GD&ĐT các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ GD&ĐT (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Các TV BCĐ PCGD, XMC tỉnh (p/h chỉ đạo);
- UBND các huyện, TX, TP (p/h chỉ đạo);
- Các phòng Sở;
- Lưu: VT, P.GDTrH.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Thị Dạ Thảo